TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:134/2017/DSPT
Ngày: 31/8/2017
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư
Ông Nguyễn Văn Trường .

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa **:** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên .

Trong các ngày 02, ngày 21 và ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLPT - DS, ngày 10/4/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 183/2017/QĐPT-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:*

1. Anh Huỳnh Phước Ph, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt ngày 24/8/2017); Địa chỉ: số M, ấp L, xã L H, huyện L H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Lê Phương D, sinh năm 1991(vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị Dung là ông Lê Văn Q (văn bản ủy quyền ngày 12/11/2014, ông Q có đơn xin vắng mặt ngày 24/8/2017).

Cùng địa chỉ: số A, đường T P, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.Ông Ngô Văn Kh, sinh năm 1944(có đơn xin vắng mặt ngày 25/8/2017); Địa chỉ: số B/, ấp P A, xã P H, huyện L H, tỉnh Vĩnh Long.

4.Ông Phạm Minh T, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt ngày 27/8/2017); Địa chỉ: khóm 1, t t C Q, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

-*Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà H là ông Nguyễn Văn H(văn bản ủy quyền ngày 20/4/2015, có mặt).

Cùng địa chỉ: số M, đường T P, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: tổ ấp M H, xã N V T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: số M, đường T P, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991(vắng mặt).

3.Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số M, đường T P, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Nguyễn Thị Diệu L – sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T Q, xã A P T, huyện C K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà L là ông Phạm Minh T – sinh năm 1955; Địa chỉ: khóm 1, t t C Q, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị Ngọc H là bị đơn .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2014 và các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn anh Huỳnh Phước Ph trình bày như sau :

Anh Phong có phần đất diện tích 720 m^2 thuộc thửa số 416, tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/01/2010. Nguồn gốc đất do bà Trần Thị H chuyển nhượng cho ông Huỳnh Khắc C, sau đó ông C chuyển nhượng đất lại cho anh Ph vào tháng 12/2009 với giá 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng), anh Ph đã giao đủ tiền cho ông C và nhận đất sử dụng một thời gian thì ông H phá ranh đất và ngăn cản anh Ph sử dụng đất. Bà H, ông H xây tường rào đất, cất nhà tạm và trồng cây trên đất. Anh Ph khởi kiện yêu cầu bà H, ông H, anh Nh và chị H tự tháo dỡ, di dời tài sản trả lại cho anh Ph phần đất theo đo đạc thực tế 681,4 m^2 thuộc thửa số 416. Đối với tài sản trên đất là nhà và cây trồng thì bà H, ông H, anh Nh và chị H tự di dời.

-Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2015 và các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày như sau:

Ông Tắc có phần đất diện tích 647 m^2 thuộc thửa số 417, tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/4/2007. Nguồn gốc phần đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông T vào năm 1987, ông T nhận đất sử dụng lên líp trồng cây đến năm 1992 bị ông H lấn chiếm đất, sau đó bà H khiếu nại đòi lại đất. Ngày 20/3/ 2006 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 481/QĐ.UBND có nội dung giao cho ông T được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp 647 m^2 thuộc thửa số 417, cơ quan có thẩm quyền tổ chức cậm trụ ranh giao đất cho ông T nhưng bà H, ông H lại tiếp tục lấn chiếm đất. Ông T khởi kiện yêu cầu bà H, ông H, anh Nh và chị H tự tháo dỡ, di dời tài sản trả lại cho ông T phần đất theo đo đạc thực tế 649,2 m^2 thuộc thửa 417. Đối với tài sản trên đất là nhà và cây trồng bà H, ông H, anh Nh và chị H tự di dời.

-Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2015 và các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn ông Ngô Văn Kh trình bày như sau:

Ông Khương có phần đất diện tích 647 m^2 thuộc thửa số 418, tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất vào ngày 09/4/2007. Nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Kh vào năm 1987, ông Kh nhận đất sử dụng lên líp trồng cây và cất nhà để ở được một năm thì bị vợ chồng ông H, bà H chiếm đất, sau đó bà H khiếu nại đòi lại đất. Ngày 20/3/ 2006 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 481/QĐ.UBND có nội dung giao cho ông Kh được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp 647 m^2 thuộc thửa 418, cơ quan có thẩm quyền cậm trụ ranh giao đất cho ông Kh thì bà H, ông H tiếp tục trồng cây và cất nhà tạm làm quán nước chiếm lại đất. Nay ông Kh khởi kiện yêu cầu bà H, ông H, anh Nh và chị H tự tháo dỡ, di dời tài sản trả lại cho ông Kh phần đất theo đo đạc thực tế 630,4 m^2 thuộc thửa số 418. Đối với tài sản trên đất là nhà và cây trồng thì bà H, ông H, anh Nh và chị H tự di dời.

-Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2015 và các lần hòa giải tiếp theo ông Lê Văn Q đại diện theo ủy quyền của chị Lê Phương D trình bày như sau:

Chị D có phần đất diện tích 647m^2 thuộc thửa số 419, tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/9/2010. Nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Lê Văn Q (cha chị D) vào năm 1987, ông Q nhận đất sử dụng lên líp trồng cây, sau đó bà H khiếu nại đòi lại đất. Ngày 20/3/ 2006 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 481/QĐ.UBND có nội dung giao cho ông Q được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp 647m^2 thuộc thửa số 419, cơ quan có thẩm quyền cậm trụ ranh giao đất cho ông Q quản lý sử dụng từ năm 1987 cho đến năm 2010 thì ông Q cho lại con gái là Lê Phương D sử dụng nhưng bị ông H lấn chiếm trồng cây và cất nhà. Nay chị D khởi kiện yêu cầu bà H, ông H anh Nh và chị H tự tháo dỡ, di dời tài sản trả lại cho chị D phần đất theo đo đạc thực tế 630,3 m^2 thuộc thửa số 419. Đối với tài sản trên đất là nhà và cây trồng thì bà H, ông H, anh Nh và chị H tự di dời.

-Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Ngọc do ông Nguyễn Văn H đại diện và ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh và chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Phần đất ông Kh, ông T, anh Ph và chị D tranh chấp với bà H được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết là quyết định số 481/QĐ.UBND ngày 20/03/2006 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, trong quá trình hòa giải ông H yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án và trả đơn khởi kiện cho các đương sự theo quy định khoản 1 Điều 190 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vì vụ án đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không có thẩm quyền giải quyết lại. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H yêu cầu công nhận phần đất thuộc các thửa 416, 417, 418 và 419 cho bà H được quyền sử dụng hợp pháp và yêu cầu hủy các quyết định của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Ủy Ban Nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu L là vợ của ông Phạm Minh T không ý kiến gì .

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Huỳnh Phước Ph.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh và chị Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm tự tháo dỡ vật kiến trúc, di dời tài sản, để trả lại cho anh Huỳnh Phước Ph thửa đất số 416; tờ bản đồ số 06; diện tích 681,4 m^2 (diện tích đo đạc thực tế), tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/6/2014 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V).

- Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Phạm Minh T.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh và chị Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm tự tháo dỡ vật kiến trúc, di dời tài sản, để trả lại cho ông Phạm Minh T thửa đất số 417; tờ bản đồ số 06; diện tích 649,2 m^2 (diện tích đo đạc thực tế), tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/7/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V).

- Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn Kh.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh và chị Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm tự tháo dỡ vật kiến trúc, di dời tài sản, để trả lại cho ông Ngô Văn Kh thửa đất số 418; tờ bản đồ số 06; diện tích 630,4 m^2 (diện tích đo đạc thực tế), tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/5/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Phương D.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh, chị Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm tự tháo dỡ vật kiến trúc, di dời tài sản, để trả lại cho chị Lê Phương D thửa đất số 419; tờ bản đồ số 06; diện tích 630,3 m^2 (diện tích đo đạc thực tế), tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh V (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/5/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/2/2017 bị đơn Lê Thị Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đình chỉ giải quyết vụ án các nguyên đơn Ngô Văn Kh, Phạm Minh T về việc tranh chấp đất giữa bà H và các hộ T, Kh đã được Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết xong bằng Quyết định 481/QĐ.UBND ngày 20/3/2006 đã có hiệu lực pháp luật. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Phước Ph và Lê Phương D vì đã nhận chuyển nhượng đất đang có tranh chấp, không đủ điều kiện để chuyển nhượng theo qui định của luật đất đai. Công nhận quyền sở hữu các thửa đất 416,417,418 và 419 cho bà Lê Thị Ngọc H theo Điều 236 của Bộ luật dân sự 2015.

-*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông H đại diện cho bà H không có ý kiến gì.

Anh Phong, ông Kh, ông T và ông Q đại diện cho chị D có đơn xin vắng mặt đồng thời có ý kiến thống nhất đồng ý theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V và tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời tài sản là vật kiến trúc và cây trồng trên đất cho bà H và ông H theo biên bản định giá tài sản tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác đơn kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc H. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn hỗ trợ chi phí di dời tài sản, cây trồng trên đất cho ông H, bà H, chị H và anh Nh bao gồm phần của anh Huỳnh Phước Ph 35.839.000đ, ông Phạm Minh T 16.932.000đ, ông Ngô Văn Kh 43.196.000đ và chị Lê Phương D 96.601.000đ. Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Ngày 08/3/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có nhận đơn kháng cáo đề ngày 06/3/2017 của ông Nguyễn Văn H, đơn kháng cáo đề ngày 07/3/2017 của chị Nguyễn Thị H, đơn kháng cáo đề ngày 08/3/2017 của anh Nguyễn Thành Nh do ông Hòa nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để kháng cáo bản án số 07/2007/DSST ngày 24/2/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Tòa án nhân dân thành phố V đã nhận được đơn kháng cáo của ông H, chị H và anh Nh do Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long chuyển đến. Ngày 13/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố V ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông H, chị H và anh Nh nhận. Đã hết thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông H, chị và anh Nh không nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long biên lai thu tiền tạm ứng án phí và cũng không có lý do chính đáng nên được coi là từ bỏ việc kháng cáo theo qui định tại khoản 2 Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét các yêu cầu kháng cáo của ông H, chị H và anh Nh là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02 tháng 8 năm 2017 các nguyên đơn anh Ph, ông Kh, ông T và ông Q đại diện cho chị D có mặt. Hội đồng xét xử tạm

ngừng phiên tòa do ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của người kháng cáo Lê Thị Ngọc H trình bày do tình trạng sức khỏe không thể tiếp tục tham gia phiên tòa.

Phiên tòa phúc thẩm ngày 21 tháng 8 năm 2017 các nguyên đơn anh Ph, ông Kh, ông T và ông Q đại diện cho chị D có mặt. Hội đồng xét xử tiếp tục tạm ngừng phiên tòa do ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của người kháng cáo Lê Thị Ngọc H trình bày do tình trạng sức khỏe không thể tiếp tục tham gia phiên tòa.

Phiên tòa phúc thẩm ngày 31 tháng 8 năm 2017 các nguyên đơn anh Ph, ông Kh, ông T và ông Q đại diện cho chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt các nguyên đơn theo qui định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

[1] Phần đất tranh chấp giữa anh Huỳnh Phước Ph và bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H theo đo đạc thực tế có diện tích 681,4 m^2 thuộc thửa số 416; Phần đất tranh chấp giữa ông Phạm Minh T và bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H theo đo đạc thực tế có diện tích 649,2 m^2 thuộc thửa số 417; Phần đất tranh chấp giữa ông Ngô Văn Kh và bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H theo đo đạc thực tế có diện tích 630,4 m^2 thuộc thửa số 418; Phần đất tranh chấp giữa chị Lê Phương D và bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H theo đo đạc thực tế có diện tích 630,3 m^2 thuộc thửa số 419; các thửa đất tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Nguồn gốc các thửa đất nêu trên trước ngày 30/4/1975 là của bà Vương Thị S quản lý và sử dụng khoảng 06 công đất ruộng, đến năm 1969 bà S cho hộ ông M mướn, đong lúa ruộng hằng năm. Năm 1976, bà S lấy lại 06 công đất ruộng chia cho con là Trần Thị H ba công và cháu là Trần Kim L 3 công. Bà Trần Thị H canh tác đến năm 1978 chuyển công tác về Trà Vinh dạy học nên cho ông Nguyễn Văn M mướn canh tác đến năm 1981 ông M đưa đất vào tập đoàn sản xuất phường N. Năm 1987 và 1988, UBND tỉnh Cửu Long (nay là tỉnh Vĩnh Long) ban hành quyết định giao cấp đất cho các hộ ông Nguyễn Văn Kh, ông Lê Văn Q và ông Phạm Minh T mỗi hộ diện tích 1.000 m^2 để cất nhà ở theo quyết định số 256/QĐ.UBT ngày 03/11/1987, quyết định số 257/QĐ.UBT ngày 03/11/1987 và quyết định số 30/QĐ.UBT ngày 06/02/1988. Sau khi được giao cấp đất ông Nguyễn Văn Kh, ông Lê Văn Q và ông Phạm Minh T lên líp lập vườn trồng cây ăn trái, đến năm 1989, ông Nguyễn Văn H là con rể bà H tự vào chiếm cất nhà ở và trồng cây ăn trái.

Việc ông Q, ông Kh và ông T được Nhà nước giao đất phía gia đình bà H luôn khiếu nại cụ thể như sau:

Năm 1990 bà Trần Thị Tr (chị ruột bà Trần Thị H) khiếu nại đòi lại đất, ngày 06/3/1990 Ủy ban nhân dân thị xã V(nay là thành phố V) ban hành quyết định số 30/QĐ.UBTX nội dung bác đơn khiếu nại của bà Tr .

Ngày 27/8/1997 Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định số 1059/QĐ.UBT nội dung bác đơn khiếu nại của bà Tr do bà Tr không đủ tư cách vì bà Tr không có tên đăng ký trong sổ bộ địa chính .

Tháng 8/2002 bà Trần Thị H gởi đơn khiếu nại xin lại 3.000m^2 đất đã giao cho các hộ ông T, ông Kh và ông Q. Ngày 06/3/2003 Ủy Ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố V) ban hành quyết định số 10/QĐ.UB nội dung bác đơn khiếu nại của bà H và buộc ông Nguyễn Văn H di dời nhà và vật kiến trúc đi nơi khác để trả lại đất cho ông T, ông Kh và ông Q .

Ngày 12/8/2003 Ủy ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố V) ban hành quyết định số 26/QĐ.UB nội dung bác đơn khiếu nại của vợ chồng bà H và ông H về việc yêu cầu được sử dụng 3.000m^2 đất nêu trên đồng thời hủy bỏ việc đăng ký kê khai theo chương trình đất năm 1993.

Ngày 12/7/2004 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định số 2058/QĐ.UB nội dung bác đơn khiếu nại của vợ chồng bà H và ông H.

Ngày 20/3/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định số 481/QĐ.UBND điều chỉnh quyết định số 256/QĐ.UBT ngày 03/11/1987, quyết định số 257/QĐ.UB ngày 03/11/1987 về việc giao quyền sử dụng đất diện tích 1.000m^2 cho ông Lê Văn Q; diện tích 1.000m^2 cho ông Phạm Minh T và quyết định số 30/QĐ.UBT ngày 06/02/1988 về việc giao quyền sử dụng đất diện tích 1.000m^2 cho ông Ngô Văn Kh. Công nhận cho ông Phạm Minh T 647m^2 đất , ông Ngô Văn Kh 647m^2 đất, ông Lê Văn Q 647m^2 đất, bà Trần Thị H 720m^2 đất, ông Nguyễn Văn H và vợ Lê Thị Ngọc H 648,8m^2 đất thuộc chiết thửa 106.

Căn cứ vào quyết định 481/QĐ.UBND ngày 20/3/2006 và biên bản giao đất cho các chủ sử dụng gồm ông Phạm Minh T, ông Ngô Văn Kh, ông Lê Văn Q, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H và vợ Lê Thị Ngọc H, cơ quan có thẩm quyền đã lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Huệ lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Khắc C. Ngày 09/12/2009 ông C lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 720m^2 thuộc thửa 416 cho anh Huỳnh Phước Ph, ngày 13/01/2010 anh Ph được Ủy Ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Hòa đại diện cho bà H cung cấp cho Tòa án tờ giấy bà Tr là người sử dụng hợp pháp phần đất 7.461m^2 đã chuyển quyền sử dụng ruộng đất cho ông H và bà H (bút lục 70) là không có căn cứ, bởi vì bà Tr chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, năm 1980 Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đã quốc hữu hóa đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do đó quyền sở hữu về đất đai của bà Vương Thị S hay bà Trần Thị H hoặc bà Tr không còn.Theo qui định tại Điều 2 Luật đất đai năm 1992 thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người dân sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai.Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ công nhận quyền sở hữu các thửa đất 416,417,418 và 419 cho bà Lê Thị Ngọc H.

[2]Bà H thừa nhận quyết định 481/QĐ.UBND ngày 20/3/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là quyết định đã có hiệu lực pháp luật, trên cơ sở quyết định 481/QĐ.UB ngày 20/3/2006 cơ quan có thẩm quyền đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Kh, ông Q, ông T và bà H. Ông H và bà H không tạo lập cũng không có giấy tờ pháp lý nào chứng minh các thửa đất tranh chấp thuộc quyền

sử dụng hợp pháp của mình, tự ý lấn chiếm sử dụng đất của ông Kh, ông T, ông Q đã chuyển nhượng cho chị D và bà Huệ đã chuyển nhượng cho anh Ph nên ông Kh, ông T, chị D và anh Ph khởi kiện đòi bà H và ông H tháo dỡ tài sản trên đất và trả đất là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vậy không có căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án theo đơn kháng cáo của bà H.

[3] Bà H đã được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất nên đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Khắc C, sau đó ông C chuyển nhượng lại cho anh Ph cũng như ông Q đã chuyển nhượng đất cho chị D là hoàn toàn phù hợp pháp luật nên không có căn cứ bác yêu cầu khởi kiện của anh Ph và chị D theo nội dung đơn kháng cáo của bà H. Như vậy, ông H và bà H đã lấn chiếm, sử dụng không hợp pháp phần đất diện tích 681,4 m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Ph; 649,4 m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T; 630,4 m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Kh; 630,3 m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị D nên ông H và bà H có nghĩa vụ trả lại đất theo qui định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn anh Ph tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà H và ông H đối với tài sản nằm trên phần đất 681,4 m^2 bao gồm nhà tạm, tum lá, nhà vệ sinh, hàm cầu, nền sang lấp cát và cây trồng trên đất gồm: 66 cây chuối, một cây bưởi theo biên bản định giá tài sản ngày 15/5/2014 ở Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 35.839.000đ. Ông T tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà H và ông H đối với tài sản nằm trên phần đất 649,4 m^2 bao gồm nhà tạm, tum lá, quán nước nhà vệ sinh và cây trồng trên đất bao gồm 18 cây chuối, 07 cây dừa, 01 cây mít theo biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2015 ở Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 16.932.000đ. Ông Kh tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà H và ông H đối với tài sản nằm trên phần đất 630,4 m^2 bao gồm nhà tạm, tum lá và cây trồng trên đất bao gồm 18 cây xoài, 05 cây chuối, một cây bàng theo biên bản định giá tài sản ngày 12/3/2015 ở Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 43.196.000đ. Chị D tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà H và ông H đối với tài sản nằm trên phần đất 630,3 m^2 bao gồm nhà trệt cấp 4, nhà tạm, tum lá và cây trồng trên đất bao gồm 04 mít, 06 cây chuối, 03 cây bưởi theo biên bản định giá tài sản ngày 12/3/2015 ở Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 96.601.000đ. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa một phần bản án sơ thẩm là ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ cho ông H và bà H chi phí di dời tài sản nằm trên phần đất của anh Ph là 35.839.000đ, của ông T là 16.932.000đ, của ông Kh là 43.196.000đ và của chị D là 96.601.000đ. Đối với tài sản trên đất là cây trồng không di dời được thì thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các nguyên đơn.

-Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà H không phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí sơ thẩm được xác định lại: Do đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án xem xét về quyền sử dụng đất của ai nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 27

Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ngọc Hi. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Huỳnh Phước Ph.

- Buộc bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, di dời tài sản nằm trên phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 681,4 m^2 thuộc thửa 416 để trả lại cho anh Huỳnh Phước Ph phần đất diện tích 681,4 m^2 thuộc thửa 416; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do anh Huỳnh Phước Ph đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có vị trí theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/6/2014 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Phước Ph hỗ trợ chi phí di dời tài sản nằm trên phần đất diện tích 681,4 m^2 thuộc thửa 416; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cho bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn H số tiền là 35.839.000đ (ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng). Anh Huỳnh Phước Ph được quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ cây trồng trên đất.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Minh T.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, di dời tài sản nằm trên phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 649,2 m^2 thuộc thửa 417 để trả lại cho ông Phạm Minh T phần đất diện tích 649,2 m^2 thuộc thửa 417; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 3, phường N thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông Phạm Minh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Phần đất có vị trí theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/7/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Minh T hỗ trợ chi phí di dời tài sản nằm trên phần đất diện tích 649,2 m^2 thuộc thửa 417; tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cho bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn H số tiền là 16.932.000đ (mười sáu triệu chín trăm ba mươi hai ngàn đồng). Ông Phạm Minh T được quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ cây trồng trên đất.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Văn Kh.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành Nh và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, di dời tài sản nằm trên phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 630,4 m^2 thuộc thửa 418 để trả lại cho ông Ngô Văn Kh phần đất diện tích 630,4 m^2 thuộc thửa 418; tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông Ngô Văn Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có vị trí theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/5/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn Kh hỗ trợ chi phí di dời tài sản nằm trên phần đất diện tích 630,4 m^2 thuộc thửa 418; tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cho bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn H số tiền là 43.196.000đ (bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi sáu ngàn đồng). Ông Ngô Văn Kh được quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ cây trồng trên đất.

4.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Phương D.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành N và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, di dời tài sản nằm trên phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 630,3 m^2 thuộc thửa 419 để trả lại cho chị Lê Phương D phần đất diện tích 630,3 m^2 thuộc thửa 419; tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do chị Lê Phương D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có vị trí theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 22/5/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Phương D hỗ trợ chi phí di dời tài sản nằm trên phần đất diện tích 630,3 m^2 thuộc thửa 419; tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cho bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn H số tiền là 96.601.000đ (chín mươi sáu triệu sáu trăm lẻ một ngàn đồng). Chị Lê Phương D được quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ cây trồng trên đất.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/6/2014; ngày 22/5/2015 và ngày 20/7/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long) .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về án phí :

Bà Lê Thị Ngọc H phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu tiền số N^0 0002379 ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Ngọc H 100.000đ (một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

- Anh Huỳnh Phước Ph không phải chịu án phí sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh Ph 21.032.000đ (hai mươi mốt triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 012678 ngày 23/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

- Ông Phạm Minh T không phải chịu án phí sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Tắc 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 023082 ngày 27/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

- Ông Ngô Văn Kh không phải chịu án phí sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông Kh 11.019.500đ (mười một triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 022675 ngày 14/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

- Chị Lê Phương D không phải chịu án phí sơ thẩm; Hoàn trả lại cho chị D 11.019.600đ (mười một triệu không trăm mười chín ngàn sáu trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 022676 ngày 14/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao : 01;
- VKSNDTỉnh Vĩnh Long : 02;
- Tổ Nghiệp Vụ : 01;
- TAND thành phố V: 01;
- Chi cục THADS thành phố V 01;
- Đ/s: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 08

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Dung